

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **771** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **18** tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16
tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Lâm nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01
tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ
rừng;
Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
119/TTr-SoNNMT ngày 04 tháng 8 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm
vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng trực
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 452/QĐ-SNNMT-VP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành Quy định chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và mối quan hệ công tác của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh Đồng Nai;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KGVX (Tannd).



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



QUY ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng trực thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường**

*(Kèm theo Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với viên chức, người lao động của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Vị trí pháp lý, chức năng

1. Vị trí pháp lý: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng (sau đây gọi là Ban Quản lý) là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chức năng: Ban Quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp gắn với ổn định dân cư trong lâm phận; phát triển rừng, sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo quy hoạch; khai thác và tiêu thụ lâm sản; tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái, giống cây trồng, khuyến nông, khuyến lâm trong phạm vi quản lý được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hoạt động và trụ sở làm việc

1. Hoạt động

a) Ban Quản lý chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Chi cục Kiểm lâm và sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

b) Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

2. Trụ sở làm việc đặt tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 4. Nhiệm vụ của Ban Quản lý

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ rừng theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp chặt chẽ, đúng mục đích, đúng phạm vi ranh giới được giao theo quy hoạch, kế hoạch, dự án, phương án được phê duyệt.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn đầu tư, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện việc khoán đất lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

4. Theo dõi, thống kê, kiểm kê rừng, cập nhật diễn biến rừng theo quy định, định kỳ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về diễn biến rừng, các hoạt động về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng trên lâm phận Ban Quản lý.

5. Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng, bảo vệ hệ thực vật rừng, động vật rừng theo quy định của pháp luật; theo dõi, giám sát tình hình sinh vật gây hại cây rừng và tổ chức thực hiện công tác phòng chống sinh vật gây hại cây rừng; thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Phối hợp với chính quyền địa phương sở tại, các cơ quan liên quan tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến dân cư trong lâm phận Ban Quản lý và vùng lân cận.

7. Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý tổ chức bộ máy, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với viên chức theo phân cấp quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật; quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

Điều 5. Quyền hạn của Ban Quản lý

1. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng. Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; được khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất; được sử dụng đất đai, tài nguyên rừng được giao và các nguồn lực khác của đơn vị theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ của

Ban Quản lý.

2. Được tổ chức khoán đất, khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi rừng, cải tạo rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật; được tổ chức thực hiện các biện pháp lâm sinh trên diện tích rừng được giao quản lý theo quy định của pháp luật; được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng theo quy định của pháp luật.

3. Được tự tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lâm nghiệp - nông nghiệp, du lịch sinh thái kết hợp, tự đầu tư để trồng lại rừng sản xuất; hợp tác, hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật.

4. Được tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, thực tập, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật; được kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng, hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

5. Được hướng dẫn về kỹ thuật, hỗ trợ về vốn theo chính sách của Nhà nước để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và được hưởng lợi ích do các công trình công cộng bảo vệ, cải tạo rừng mang lại.

6. Được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật có liên quan khi Nhà nước có quy định thu hồi rừng.

7. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, VỊ TRÍ VIỆC LÀM** **VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Quản lý gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc:

a) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm 02 phòng:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp gồm: 01 Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng. Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện về công tác hành chính quản trị; quản lý và sử dụng tài sản công; văn thư lưu trữ; tổng hợp; tổ chức bộ máy; nhân sự; lao động tiền lương; chi trả khoán bảo vệ rừng, dịch vụ môi trường rừng; thi đua khen thưởng; tiếp công dân; tham mưu và tổ chức thực hiện về công tác kế hoạch, tài chính - kế toán; thống kê; sản xuất kinh doanh dịch vụ.

- Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng gồm: 01 Trưởng phòng và 01 Phó

Trưởng phòng. Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quy hoạch; quản lý đất đai; quản lý rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng và phát triển rừng; lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; công tác kỹ thuật; khuyến lâm, khuyến nông; lâm nghiệp cộng đồng; giải quyết đơn kiến nghị của nhân dân; phối hợp với Hạt Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Trạm bảo vệ rừng gồm: 01 Trạm trưởng và 01 Phó Trạm trưởng. Có chức năng, nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện toàn diện công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng, phát triển rừng, sản xuất dịch vụ nông lâm nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo của Giám đốc Ban Quản lý; tham gia với chính quyền địa phương quản lý dân cư, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn Trạm được giao quản lý. Nếu không đủ điều kiện thành lập Trạm bảo vệ rừng thì thành lập Chốt bảo vệ rừng; chức năng, nhiệm vụ của Chốt bảo vệ rừng như chức năng, nhiệm vụ của Trạm bảo vệ rừng. Ban Quản lý có 08 Chốt bảo vệ rừng gồm:

- Chốt bảo vệ rừng Bù Chốp, gồm:

+ Khoảnh 6 tiểu khu 191; khoảnh 2, 5, 6, 7, 8, 9, 11 tiểu khu 192; khoảnh 4, 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 197; khoảnh 2 tiểu khu 199A; tiểu khu 200; tiểu khu 201; khoảnh 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 tiểu khu 202A; khoảnh 11 tiểu khu 202B; khoảnh 6, 7, 8, 9 tiểu khu 203; khoảnh 6 tiểu khu 204 thuộc địa giới hành chính xã Thọ Sơn.

+ Khoảnh 2 tiểu khu 199A; khoảnh 3, 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 199B; khoảnh 8, 9 tiểu khu 202A; khoảnh 11 tiểu khu 202B; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 204; tiểu khu 205; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 258; tiểu khu 259 thuộc địa giới hành chính xã Phước Sơn.

+ Khoảnh 2 tiểu khu 199A; khoảnh 3 tiểu khu 199B thuộc địa giới hành chính xã Bù Đăng.

+ Diện tích rừng tự nhiên, đất quy hoạch 03 loại rừng chưa giao, chưa cho thuê thuộc địa giới hành chính xã Bù Đăng, xã Thọ Sơn.

- Chốt bảo vệ rừng Đồng Nai, gồm:

+ Khoảnh 4, 6 tiểu khu 190; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 191; khoảnh 1, 3, 4 tiểu khu 192; tiểu khu 196; khoảnh 3, 4 tiểu khu 187A; khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 187B; khoảnh 3, 4 tiểu khu 188A; khoảnh 6, 7, 8, 9 tiểu khu 188B thuộc địa giới hành chính xã Thọ Sơn.

+ Khoảnh 7 tiểu khu 146; khoảnh 1, 2, 5 tiểu khu 149; tiểu khu 151; khoảnh 4, 5 tiểu khu 154; khoảnh 5, 7, 8, 9 tiểu khu 155A; khoảnh 2 tiểu khu 155B; khoảnh 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 156A; khoảnh 1, 2 tiểu khu 156B; tiểu khu 157; tiểu khu 158; tiểu khu 159; tiểu khu 160; tiểu khu 161; tiểu khu 162; tiểu khu 163; tiểu khu 164; tiểu khu 165; tiểu khu 166; tiểu khu 167; tiểu khu 168; tiểu khu 169; tiểu khu 170; tiểu khu 171; tiểu khu 172 thuộc địa giới hành chính xã Bom Bo.

+ Diện tích rừng tự nhiên, đất quy hoạch 03 loại rừng chưa giao, chưa cho thuê thuộc địa giới hành chính xã Bom Bo.

- Chốt bảo vệ rừng Sơn Tân, gồm:

+ Khoảng 6, 8 tiểu khu 144; khoảng 2, 3, 5, 7, 8, 10, 11 tiểu khu 173A; khoảng 1, 4, 6, 9 tiểu khu 173B; tiểu khu 174; tiểu khu 175; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 176; tiểu khu 177; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 180; khoảng 1, 2 tiểu khu 181; khoảng 1, 5, 8 tiểu khu 182; tiểu khu 184; tiểu khu 185A; tiểu khu 185B; tiểu khu 187A; tiểu khu 187B; khoảng 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 188A; khoảng 6, 7 tiểu khu 188B; khoảng 6 tiểu khu 190 thuộc địa giới hành chính xã Thọ Sơn.

+ Tiểu khu 132; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 133A; khoảng 1, 3, 4 tiểu khu 133; tiểu khu 134; tiểu khu 135; tiểu khu 136; tiểu khu 137; tiểu khu 140; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 144; tiểu khu 145; khoảng 4, 6, 7 tiểu khu 146; tiểu khu 150; khoảng 5 tiểu khu 155A; khoảng 2 tiểu khu 155B; khoảng 4, 5 tiểu khu 156A; khoảng 1, 2, 3 tiểu khu 156B; khoảng 2, 3, 7, 10 tiểu khu 173A; khoảng 1, 4, 6, 9 tiểu khu 173B; khoảng 1, 3, 4, 5 tiểu khu 176; khoảng 1, 2 tiểu khu 180; khoảng 1, 2 tiểu khu 181 thuộc địa giới hành chính xã Đắk Nhau.

+ Diện tích rừng tự nhiên, đất quy hoạch 03 loại rừng chưa giao, chưa cho thuê thuộc địa giới hành chính xã Thọ Sơn.

- Chốt bảo vệ rừng Thống Nhất, gồm:

+ Khoảng 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 265; khoảng 8 tiểu khu 267; tiểu khu 268; tiểu khu 270; khoảng 1, 3, 5 tiểu khu 304; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 305; khoảng 1, 6 tiểu khu 308; khoảng 1, 2, 4, 5 tiểu khu 310; tiểu khu 311A; khoảng 9 tiểu khu 311B; tiểu khu 312; tiểu khu 313; tiểu khu 314; tiểu khu 315; khoảng 1 tiểu khu 316A; tiểu khu 316B; tiểu khu 317; tiểu khu 318; tiểu khu 319; tiểu khu 321; tiểu khu 322 thuộc địa giới hành chính xã Phước Sơn.

+ Khoảng 6, 7, 8, 9, 10 tiểu khu 302B; khoảng 1 tiểu khu 303; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 tiểu khu 303; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 304; khoảng 1, 3, 5 tiểu khu 305; tiểu khu 306; tiểu khu 307; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 308; tiểu khu 309; khoảng 1 tiểu khu 310 thuộc địa giới hành chính xã Nghĩa Trung.

- Chốt bảo vệ rừng Đồng Xoài, gồm:

+ Khoảng 5, 6 tiểu khu 344A; khoảng 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 344B; khoảng 6, 7 tiểu khu 345A; khoảng 10, 11 tiểu khu 345B; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 346; khoảng 2, 5, 6 tiểu khu 347A; khoảng 1, 4, 7, 8, 9, 10 tiểu khu 347B; khoảng 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 348; khoảng 8 tiểu khu 350; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 357; khoảng 1 tiểu khu 361 thuộc địa giới hành chính xã Tân Lợi.

+ Khoảng 11 tiểu khu 349 thuộc địa giới hành chính xã Đồng Tâm.

- Chốt bảo vệ rừng Suối Nhung, gồm:

+ Khoảng 13 tiểu khu 360; khoảng 12, 13 tiểu khu 361B; tiểu khu 362; tiểu khu 363; khoảng 1, 2, 3 tiểu khu 374A; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 tiểu khu 377; khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 378; khoảng 1, 3, 4 tiểu khu 379 thuộc địa giới hành chính xã Tân Lợi.

+ Diện tích rừng tự nhiên, đất quy hoạch 03 loại rừng chưa giao, chưa cho

thuê thuộc địa giới hành chính xã Tân Lợi.

- Chốt bảo vệ rừng 327, gồm:

+ Khoảnh 1 tiểu khu 374A; khoảnh 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 374B; khoảnh 1, 8, 9, 10 tiểu khu 377; khoảnh 8, 9 tiểu khu 378; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 379; tiểu khu 382; tiểu khu 386; tiểu khu 387; tiểu khu 388; tiểu khu 389; tiểu khu 391 thuộc địa giới hành chính xã Tân Lợi.

+ Diện tích rừng tự nhiên, đất quy hoạch 03 loại rừng chưa giao, chưa cho thuê thuộc địa giới hành chính xã Tân Lợi.

- Chốt bảo vệ rừng Lam Sơn, gồm:

Tiểu khu 340; tiểu khu 341; tiểu khu 342; tiểu khu 343; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 344A; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 345A; khoảnh 10, 11 tiểu khu 345B; khoảnh 2, 3, 5, 6 tiểu khu 347A; khoảnh 1, 4, 9 tiểu khu 347B; khoảnh 6, 8 tiểu khu 350; khoảnh 1 tiểu khu 357; khoảnh 1, 2 tiểu khu 342 thuộc địa giới hành chính xã Đồng Tâm.

c) Phân Ban Đồng Phú: Thành lập Phân Ban Đồng Phú trực thuộc Ban Quản lý để thực hiện chức năng của Ban Quản lý trên địa bàn xã Tân Lợi, xã Đồng Tâm. Cơ cấu tổ chức, các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Phân Ban Đồng Phú do Giám đốc Ban Quản lý sắp xếp, bố trí trong tổng số lượng người làm việc do cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt hàng năm.

Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm xây dựng Đề án thành lập Phân Ban Đồng Phú trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Quản lý thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Vị trí việc làm

Việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của Ban Quản lý thực hiện theo đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong tổng số lượng người làm việc do cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt hàng năm. Giám đốc Ban Quản lý chịu trách nhiệm tổ chức tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức và người lao động hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với vị trí việc làm và phân cấp quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 8. Chế độ làm việc

1. Ban Quản lý làm việc theo chế độ Thủ trưởng, Giám đốc Ban Quản lý quyết định mọi vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý và là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chi cục Kiểm lâm về chuyên môn, nghiệp vụ trong công

tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các Phó Giám đốc Ban Quản lý được Giám đốc Ban Quản lý phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác hoặc theo địa bàn. Phó Giám đốc Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý, đồng thời cùng Giám đốc Ban Quản lý liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về phần việc được phân công phụ trách.

2. Trưởng phòng (bộ phận) chuyên môn nghiệp vụ, Trạm (chốt) trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý và trước pháp luật về toàn bộ công việc được giao.

3. Ban Quản lý tổ chức họp giao ban theo định kỳ, đồng thời tổ chức các cuộc họp bất thường để triển khai nhiệm vụ đột xuất do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về việc trực tiếp tổ chức, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ và mọi hoạt động của Ban Quản lý.

2. Là chủ tài khoản của Ban Quản lý, thực hiện việc quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên rừng, tài chính, tài sản, vật tư, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ, ... của Ban Quản lý.

3. Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Ban Quản lý.

4. Quyết định ban hành và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế của Ban Quản lý; ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ban Quản lý để chỉ đạo, điều hành đơn vị và thực hiện các mối quan hệ nội bộ và với các cơ quan, đơn vị bên ngoài.

5. Phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc Ban Quản lý. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc. Xây dựng quy chế làm việc của đơn vị đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế.

6. Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật và theo phân cấp về tổ chức quản lý cán bộ của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng hoạt động. Thực hiện các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức và người lao động.

8. Tổ chức giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện vai trò đại diện pháp lý của Ban Quản lý trong quá trình tham gia tố tụng có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Ban Quản lý.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc Ban Quản lý phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác hoặc theo địa bàn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công.

2. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Ban Quản lý khi được Giám đốc Ban Quản lý ủy quyền.

3. Được chủ tài khoản Ban Quản lý ủy quyền đăng ký chữ ký tại kho bạc nhà nước và các ngân hàng có giao dịch.

Chương V QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 11. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Ban Quản lý chịu sự quản lý, chỉ đạo toàn diện trực tiếp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Ban Quản lý chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chế độ quy định và khi có yêu cầu.

Điều 12. Đối với Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Ban Quản lý chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của Chi cục Kiểm lâm.

2. Ban Quản lý có mối quan hệ phối hợp với Chi cục Kiểm lâm và các phòng chuyên môn, đơn vị khác trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Đối với các sở, ban, ngành

Ban Quản lý có trách nhiệm phối hợp và thực hiện theo hướng dẫn của các sở, ban, ngành của tỉnh trong việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực lâm nghiệp có liên quan trên cơ sở có sự thống nhất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 14. Đối với chính quyền địa phương

1. Ban Quản lý chịu sự quản lý của chính quyền địa phương về quản lý hành chính, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

2. Ban Quản lý phối hợp các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng và các hoạt động khác của đơn vị trên cơ sở các quy định của Nhà nước để hoàn thành nhiệm vụ.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra Giám đốc Ban Quản lý tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.
2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp thực hiện nội dung Quy định này.
3. Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy định này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản hoặc quy định pháp luật mới ban hành (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc; Giám đốc Ban Quản lý báo cáo, đề xuất Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật./.